TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27/02/2026
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bạn.

Ông Dương Văn Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 380/2025/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2026/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Diệp Việt C, sinh năm 1994.

Nơi ĐKHKTT: Số D N, tổ dân phố N, phường C, thành phố Hải Phòng. Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố C, phường N, thành phố Hải Phòng.

Người được chị C ủy quyền về việc giao nhận văn bản: Chị Vũ Thị C1, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường L, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn:* Anh Trần Hữu T, sinh năm 1991.

Nơi ĐKHKTT: Số D N, tổ dân phố N, phường C, thành phố Hải Phòng. Nơi ở hiện nay: Đài Loan.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Trần Hữu T1, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thúy M, sinh năm 1965. Cùng địa chỉ: Số D N, tổ dân phố N, phường C, thành phố Hải Phòng.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường N, thành phố Hải Phòng.

Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị giải quyết vắng mặt; anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Diệp Việt C trình bày:*

Chị và anh Trần Hữu T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Hải Phòng) vào năm 2020. Sau khi kết hôn, chị và anh T về chung sống cùng nhau tại nhà bố mẹ đẻ của anh T tại tổ dân phố T, phường N, thành phố Hải Phòng. Sau đó khoảng giữa năm 2025 thì cả gia đình chị cùng chuyển khẩu thường trú về địa chỉ số D N, tổ dân phố N, phường C, thành phố Hải Phòng sinh sống. Để phát triển kinh tế gia đình, cuối năm 2024 vợ chồng chị cùng bàn bạc, thống nhất chị đi lao động tại Ma Cao (Trung Quốc) để làm ăn kinh tế. Sau đó đến đầu năm 2024 thì anh T cũng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Hai vợ chồng chị đi làm ăn xa, mỗi người ở một nơi khác nhau, thời gian đầu tình cảm vợ chồng vẫn bình thường, chị và anh T vẫn thường xuyên liên lạc, quan tâm đến cuộc sống, công việc của nhau. Tuy nhiên, cho đến khoảng tháng 9 năm 2025 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Quá trình sinh sống, làm việc ở hai quốc gia khác nhau trong thời gian dài khiến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, mỗi lần trao đổi qua điện thoại thường phát sinh cãi vã nên hai bên dần hạn chế liên lạc. Hiện nay, vợ chồng không còn quan tâm đến đời sống của nhau, chỉ thỉnh thoảng trao đổi về việc học tập, sức khỏe của con chung. Mâu thuẫn kéo dài, gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng không đạt kết quả. Đến nay, chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh T đã rất trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để cả hai ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Trần Hữu Bảo K, sinh ngày 17/01/2021. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Chị đã về nước vào ngày 16/01/2026 và ở hẳn trong nước để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hiện tại chị đã về ở hẳn với bố mẹ đẻ chị tại tổ dân phố C, phường N, thành phố Hải Phòng. Bố mẹ chị có nhà cửa rộng rãi, ở gần trường học. Ông bà ở nhà có nhiều thời gian rảnh có thể phụ giúp chị chăm sóc cháu K, đồng thời luôn tạo điều kiện tốt nhất cho mẹ con chị về nơi ăn chốn ở nên chị có đủ điều kiện để nuôi con. Chị tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/02/2026 tại Tòa án chị trình bày bổ sung: Chị xác định đã về nước từ tháng 01/2026, trước khi về chị có nhắn tin cho bố mẹ chồng xin phép đón cháu về bên ngoại, mẹ chồng không đồng ý cho chị đón cháu, sau đó hai bên có nhắn tin thảo luận lại thì bố mẹ chồng đã đồng ý cho mẹ đẻ chị và chị gái của chị xuống đón cháu. Chị xác định chị về Việt Nam ở hẳn và ở nhà để nuôi dưỡng cháu K. Khi chị về đón cháu thì ông bà nội có nói với chị là: Bây giờ cháu K chuẩn bị vào lớp 1, ông bà không thể dạy chương trình học tập của cháu nên một trong hai vợ chồng cần về nuôi dạy con. Vì anh T trong thời gian qua đã chơi bời và nợ rất nhiều tiền nên chị đã nói với bố mẹ chồng là để anh T đi làm trả nợ còn chị sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và dạy dỗ cháu học hành. Hơn nữa cháu K bị chậm phát triển, tự kỉ và có dấu hiệu trầm cảm. Hiện nay chị về ở hẳn và đón cháu về chăm sóc tích cực để cháu kịp tiến độ học hành cùng các bạn. Ông bà nội và chị quyết định lúc cháu K 5 tuổi chị sẽ đón cháu K về nuôi, ông bà nội cháu đã đồng ý quan điểm của chị. Hiện tại do cháu bị chậm phát triển nên chị đang cho cháu đi học can thiệp ở Trung tâm G tại địa chỉ số A, đường B, phường C, thành phố Hải Phòng và học mầm non tại Trường mầm non T2 tại phường C, thành phố Hải Phòng.

Thời gian trước đây lúc chị đi nước ngoài, anh T chưa đi làm, chỉ ở nhà đưa đón con đi học, mỗi tháng chị đều gửi tiền về vài lần cho anh T. Ngoài ra tiền học của cháu K cũng do chị gửi về. Trong thời gian anh T ở nhà nuôi con, chị đã chuyển cho anh T 50.000.000 đồng để mua vàng mừng tuổi khuyến khích cho anh vì anh đã ở nhà chăm sóc con. Anh T cũng từng nói dối chị là mượn 800.000.000 đồng của bố mẹ chồng để làm ăn, sau khi đi nước ngoài chị đã gửi về 400.000.000 đồng để anh T trả nợ cho bố mẹ chồng và 400.000.000 chị đưa anh T giữ. Tuy nhiên, khi chị cần tiền để tiếp tục làm ăn thì anh T quanh co, né tránh. Sau cùng, anh T thừa nhận đã sử dụng toàn bộ số tiền chị đầu tư bất động sản và tiền chị đưa anh T giữ để chơi bời hết. Chị đã nộp cho Tòa án bản sao kê các khoản tiền đã chuyển cho anh T và mẹ chồng như chị đã nêu.

Quá trình giải quyết vụ án, chị C ủy quyền cho chị Vũ Thị C1 thay chị giao nhận tài liệu tại Tòa án. Đến nay, chị C giữ nguyên các quan điểm như đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

** Ông Trần Hữu T1 và bà Nguyễn Thúy M (là bố mẹ đẻ của anh Trần Hữu T) trình bày:*

Anh Trần Hữu T và chị Diệp Việt C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là

phường N, thành phố Hải Phòng) vào năm 2020. Sau khi kết hôn thì anh chị ra ở riêng. Đến năm 2022, anh T và chị C bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đã từng ra Tòa xin ly hôn nhưng sau đó lại rút đơn, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì ông bà không nắm rõ. Đến năm 2024 thì chị C đi Ma Cao (Trung Quốc) để làm ăn, tháng 3/2025 thì anh T cũng đi Đài Loan để làm ăn, hiện tại vợ chồng mỗi người ở một nơi. Nay chị C xin ly hôn thì quan điểm của ông bà như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn theo nguyện vọng của chị C.

Về con chung: Anh T và chị C có 01 con chung là Trần Hữu Bảo K sinh ngày 17/01/2021. Hiện cháu K đang sinh sống, học tập và ở ổn định cùng ông bà nội. Nguyện vọng của ông bà là giao cháu K cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Nếu anh chị ly hôn và anh T được quyền nuôi con, ông bà sẽ tạo điều kiện về nơi ăn chốn ở, điều kiện sinh hoạt, học tập cho cháu. Ông bà có đủ điều kiện về thời gian, sức khỏe để chăm sóc, nuôi dạy cháu đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà không nắm rõ, không có ý kiến gì.

Ông bà trình bày không nắm được địa chỉ cư trú cụ thể của anh T tại nước ngoài, chỉ biết hiện anh đang sinh sống, làm việc tại Đài Trung, Đài Loan và vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Ông bà đã nhận các văn bản tố tụng do Tòa án tống đạt và thông báo lại đầy đủ cho anh T. Anh T đã biết việc Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh và chị C và có ý kiến trình bày quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án như sau: Về quan hệ hôn nhân: Anh T đồng ý ly hôn với chị C. Về con chung: Anh và chị C có 01 con chung là Trần Hữu Bảo K sinh ngày 17/01/2021. Khi ly hôn, nếu như chị C ở nhà có mặt tại Việt Nam thì anh T đồng ý giao con chung cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị C phải ở Việt Nam làm việc và trực tiếp nuôi con, nếu chị C đi làm ăn ở nước ngoài hoặc đi lấy chồng thì yêu cầu giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, anh sẽ ủy quyền cho ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo ông T1 bà M trình bày, khi chị C đi nước ngoài vào năm 2023 thì cháu K đã bị tự kỉ, chưa nói được. Anh T và ông bà nội tập trung cho cháu học can thiệp, sau 01 năm thì bệnh có chuyển biến tích cực. Ngày 16/01/2026 chị C về Việt Nam, đến đón con và nói rõ với ông bà nội là đón con về nuôi ăn học. Ngày 27/01/2026 chị C không cho con tiếp tục học ở trường cũ mà chuyển trường học cho con, ông bà không rõ cháu chuyển trường đi đâu. Đến ngày 29/01/2016 thì chị C không có mặt tại Việt Nam. Do ông bà có công việc bận nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông bà.

** Bà Nguyễn Thị H (là mẹ đẻ của chị Diệp Việt C) trình bày*:

Chị C và anh T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2020. Sau khi kết hôn, anh chị về nhà bố mẹ chồng cùng chung sống. Năm 2024, chị C đi xuất khẩu lao động tại Ma Cao (Trung Quốc). Đến năm 2025 anh T cũng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Sau đó thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà được biết là do anh T chơi bời, sử dụng hết số tiền mà chị C đi lao động gửi về cho anh T. Đến tháng 9/2025 mâu thuẫn trở nên trầm trọng, vợ chồng không còn tiếng nói chung. Gia đình hai bên đều biết về việc mâu thuẫn của hai anh chị và đã khuyên giải động viên nhiều lần nhưng không thành. Nay chị C đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T thì bà tôn trọng ý kiến của chị C, đề nghị Tòa án căn cứ nguyện vọng của chị C và quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Chị C và anh T có 01 con chung là Trần Hữu Bảo K sinh ngày 17/01/2021. Trước đây khi chị C ở nước ngoài thì cháu K ở cùng ông bà nội, tuy nhiên đến ngày 16/01/2026 chị C đã về nước và ở hẳn cùng bà tại địa chỉ tổ dân phố C, phường N, thành phố Hải Phòng. Ngay sau khi về nước chị C đã lập tức đón cháu K về nhà bà trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu. Khi ly hôn quan điểm của chị C là muốn trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Nếu Tòa án giải quyết cho chị C được nuôi con thì bà sẽ tạo điều kiện tốt nhất về nơi ăn chốn ở cho cháu, gia đình bà có đủ điều kiện để đảm bảo việc sinh hoạt học tập của cháu, có nhà cửa rộng rãi, trường học ở gần nhà nên rất thuận tiện. Bản thân bà ở nhà có nhiều thời gian rảnh có thể phụ giúp chị C chăm sóc cháu K. Chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung với chị, bà đồng ý và không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không nắm rõ.

Do nhà ở xa không thuận tiện đi lại nên bà đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt bà.

* Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị C, anh T đăng ký hộ khẩu thường trú thể hiện: Anh T và chị C có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Địa phương không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn hôn nhân giữa chị C và anh T. Hiện tại chị C đang lao động ở Ma Cao (Trung Quốc), anh T đang lao động ở Đài Loan, vợ chồng mỗi người ở một nơi. Nay chị C có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của anh chị và quy định pháp luật để giải quyết.

* Tại Công văn số 692/XNC-Đ1 ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố H thể hiện:

Trường hợp Diệp Việt C có thông tin xuất cảnh gần nhất ngày 23/11/2025 qua cửa khẩu sân bay N, nhập cảnh trở lại ngày 16/01/2026 qua cửa khẩu sân bay N.

Trường hợp Trần Hữu T có thông tin xuất cảnh gần nhất ngày 18/9/2025 qua cửa khẩu sân bay N, chưa có thông tin nhập cảnh.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35 , khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147; khoản 4 Điều 207, 227, 228 BLTTDS; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 4 Nghị Quyết số 01 ngày 16/5/2024; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX: Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C, cho chị C được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Hữu Bảo K sinh ngày 17/01/2021 cho chị C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chị C tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết. Án phí: Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Diệp Việt C khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị và anh Trần Hữu T. Bị đơn anh Trần Hữu T hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan, có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại số D N, tổ dân phố N, phường C, thành phố Hải Phòng. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị C không cung cấp được địa chỉ cư trú cụ thể của anh T ở nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu gia đình anh T cung cấp địa chỉ nơi cư trú hiện tại của anh T. Ông Trần Hữu T1 và bà Nguyễn Thúy M là bố mẹ đẻ của anh T xác nhận anh T đang sinh sống, làm việc tại Đài Trung, Đài Loan và vẫn thường xuyên liên lạc với ông bà, tuy nhiên ông bà không biết địa chỉ cụ thể nên không thể cung cấp cho Tòa án.

Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng cho ông T1 và bà M để thông báo lại cho anh T, đồng thời tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Ông T1 và bà M xác nhận đã thông báo đầy

đủ nội dung các văn bản của Tòa án cho anh T; anh T đã biết và đã trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án thông qua ông bà.

Tại phiên tòa lần thứ hai chị C, ông T1, bà M đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Diệp Việt C và anh Trần Hữu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là phường N, thành phố Hải Phòng) vào ngày 10/6/2020 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời khai của các đương sự trong vụ án xác định: Quá trình chung sống chị C và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã. Việc hai bên sống xa nhau trong thời gian dài khiến tình cảm ngày càng xa cách. Đồng thời, chị C cho rằng anh T thiếu trách nhiệm trong quản lý tài chính và chăm sóc con chung, làm quan hệ vợ chồng rạn nứt nghiêm trọng. Từ khi chị C đi lao động tại Ma Cao (Trung Quốc) vào năm 2024 thì vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi. Hiện nay, anh T đang lao động tại Đài Loan, chị C đã về Việt Nam và về nhà mẹ đẻ sinh sống, hai vợ chồng không quay lại chung sống cùng nhau nữa.

Bố mẹ đẻ của anh T là ông T1, bà M xác định anh T đã được thông báo về việc Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng đang giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị C. Theo ông bà trình bày, anh T trình bày quan điểm là đồng ý ly hôn với chị C. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh T đã trầm trọng, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và được chứng minh thông qua quan điểm của địa phương, gia đình và các đương sự, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị C được ly hôn anh T.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Diệp Việt C và anh Trần Hữu T có 01 con chung là Trần Hữu Bảo K sinh ngày 17/01/2021. Khi ly hôn, chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Anh T đồng ý giao con chung cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nếu như chị C ở hẳn Việt Nam để sinh sống, làm việc. Ông T1, bà M là bố mẹ đẻ anh T có nguyện vọng giao cháu K cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Căn cứ lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: Trong thời gian chị C lao động ở nước ngoài, chị thường xuyên gửi

tiền cho anh T và mẹ chồng để chi trả các khoản sinh hoạt và học tập của con chung. Thời điểm chị C và anh T cùng ở nước ngoài, anh chị thống nhất ủy quyền cho ông bà nội trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên hiện tại chị xác định về Việt Nam sinh sống ổn định để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị C và ông bà nội cũng đã thống nhất khi cháu K đủ 5 tuổi thì chị sẽ đón cháu về trực tiếp nuôi dạy và kèm cặp việc học tập của cháu. Anh T hiện đang ở nước ngoài, thống nhất quan điểm giao con cho chị C nuôi dưỡng nếu chị cư trú lâu dài tại Việt Nam. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị C đã nhiều lần có mặt tại Tòa án để làm việc, chị xác định không tiếp tục đi lao động ở nước ngoài mà sẽ cư trú, sinh sống lâu dài tại Việt Nam, đầu năm 2026 chị về Việt Nam nhưng chị có trở lại Trung Quốc mấy hôm để thu xếp đồ đạc để về hẳn Việt Nam nuôi dưỡng con và sinh sống tại Việt Nam. Hiện tại, cháu K đang sống cùng chị tại nhà ông bà ngoại, gia đình bên ngoại có điều kiện về chỗ ở, môi trường sinh hoạt và có thời gian hỗ trợ chăm sóc cháu.

Xét nguyện vọng nuôi con của chị C là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của người làm cha làm mẹ, phù hợp điều kiện thực tế và bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Trần Hữu Bảo K cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, chấp nhận sự tự nguyện của chị C tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung*:* Các đương sự không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Diệp Việt C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Diệp Việt C.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Diệp Việt C ly hôn anh Trần Hữu T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Trần Hữu Bảo K sinh ngày 17/01/2021 cho chị Diệp Việt C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị C tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Diệp Việt C cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Trần Hữu T thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Không đặt giải quyết.

4. Về án phí: Chị Diệp Việt C phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu ký hiệu BLTU/25E số 0007177 ngày 27 tháng 11 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Diệp Việt C đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 9 – Hải Phòng;
- Các đương sự;
- THADS TP. Hải Phòng;
- UBND phường N, TP. Hải Phòng (ĐK số 17 ngày 10/6/2020);
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Vân Anh